

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-3-2023

*“V/v ly hôn, tranh chấp hợp đồng
tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Quang Đáng.

2. Bà Quách Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quảng Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Trần Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

* Bị đơn: Lâm Văn V, sinh năm 1976; Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có đơn xin vắng mặt)

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính Sách Xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện Vĩnh Thuận. Người đại diện bà Sủ Thị Huyền T- Chức vụ Phó Giám đốc. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị N trình bày:

Bà và ông V được gia đình 2 bên thống nhất nên vợ chồng về chung sống vào năm 1997, Nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Chung sống hạnh phúc được một

thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không phù hợp, bất đồng ý kiến trong cuộc sống, mặc dù anh, chị đã nhiều lần tự hòa giải nhưng vẫn không có kết quả. Nay xét thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn nên không thể tiếp tục chung sống vì vậy bà N xin được ly hôn với ông V.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có được 03 người con chung hòm Lâm Vũ L, sinh năm 1998, Lâm Chí T, sinh năm 2000 và Lâm Thị Thu T, sinh năm 2002. Cả 03 con điều đã trưởng thành có cuộc sống riêng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về Tài sản chung: không có.

Nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam số tiền là 40.000.000 đồng. Nay tôi nhận trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng phân nửa số tiền nhưng xin trả dần trong năm hàng tháng trả .

** Bị đơn ông Lâm Văn V trình bày ý kiến tại bản tự khai đề ngày 17/02/2023 với nội dung như sau:* Ông xác định lời trình bày của bà N về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Nay ông V thống nhất ly hôn theo yêu cầu của bà N.

Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về Nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách Xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện Vĩnh Thuận số tiền 40.000.000 đồng gồm món vay: chăn nuôi, thời gian vay là từ năm 2018 đến năm 2021.

Nay ly hôn ông yêu cầu chia đôi phần nợ chung mỗi người trả 1/2 số nợ ngân hàng.

** Bà Sử Thị Huyền T có ý kiến trình bày:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam Chi nhánh huyện Vĩnh Thuận có cho vợ chồng ông V, bà N vay với tổng số tiền 40.000.000 đồng gồm món vay: chăn nuôi, thời gian vay là từ năm 2018 đến năm 2021.

Hiện món vay này đã quá hạn. Nay ông V, bà N ly hôn thì ngân hàng yêu cầu thu hồi số nợ trên vì nợ đã quá hạn. Không đồng ý cho ông bà thỏa thuận người trả phân nửa và trả theo hình thức trả dần. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lâm Văn V và bà Trần Thị N trả cho Ngân hàng số tiền vay còn thiếu vốn gốc là 40.000.000 đồng, lãi tính đến ngày 22/02/2023 là 8.800.598 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng

theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị N và ông Lâm Văn V. Về con chung, các con đã lớn ông V, bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Ông V và bà N đề xác định hiện nay còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện Vĩnh Thuận số tiền vốn gốc là 40.000.000 đồng và lãi suất phát sinh cho đến hôm nay. Bà N thống nhất cùng ông V trả số tiền trên mỗi người trả 1/2 số tiền nợ cả vốn gốc và lãi phát sinh. Nê đề nghị HĐXX chấp nhận buộc ông V và bà N liên đới trả mỗi người 50% số nợ vay Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị N yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Lâm Văn V, Ngân hàng Chính Sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện Vĩnh Thuận yêu cầu ông V, bà N trả số nợ vay còn thiếu. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp hợp đồng tín dụng”; Bà N yêu cầu ly hôn với ông V, ông V có nơi cư trú tại Khu phố A, thị trấn B, huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà N xác lập quan hệ hôn nhân năm trước năm 1998, ông bà chung sống là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều

kiện cấm kết hôn, quá trình chung sống ông, bà không đến Ủy ban nhân dân có thẩm quyền để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng. Trong quá trình chung sống ông, bà xảy ra nhiều mâu thuẫn nên bà N xin ly hôn, ông V cũng thống nhất ly hôn. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông V

[2.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống ông bà có 03 người con chung gồm Lâm Vũ L, sinh năm 1998, Lâm Chí T, sinh năm 2000 và Lâm Thị Thu T, sinh năm 2002. Cả 03 con đều đã trưởng thành có cuộc sống riêng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên HĐXX không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung và nợ chung*:

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách Xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện Vĩnh Thuận số tiền 40.000.000 đồng gồm món vay: chăn nuôi, thời gian vay là từ năm 2018 đến năm 2021. Nay đã quá hạn, Ngân hàng có yêu cầu ông bà trả số nợ vay còn thiếu tổng cộng là 48.800.598 đồng trong đó vốn gốc là 40.000.000 đồng, lãi là 8.800.598 đồng. Ông V, bà N đồng ý mỗi người trả nửa số nợ trên cho ngân hàng, nhưng bà N xin trả dần và Ngân hàng không thống nhất. Xét thấy số nợ trên phát sinh trong quá trình ông V, bà N chung sống, Nay ly hôn ngân hàng yêu cầu ông bà phải trả hết số nợ còn thiếu. Ông V, bà N thống nhất trả số nợ trên nên HĐXX ghi nhận buộc ông V bà N phải trả số nợ còn thiếu cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện Vĩnh Thuận số tiền 48.800.598 đồng trong đó vốn gốc là 40.000.000 đồng, lãi là 8.800.598 đồng và bà N xin được trả dần, hàng tháng; việc này không được sự thống nhất của Ngân hàng nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, bà N chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002656 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận. Án phí DSST 5% đối với số tiền bị buộc trả cho Ngân hàng là 48.800.598 đồng là 2.440.029 đồng. Ông V chịu 1.220.014 đồng (làm tròn 1.220.000 đồng), bà N chịu 1220.014 đồng (làm tròn 1.220.000 đồng) .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 27, Điều 37, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị N với ông Lâm Văn V.

2 - Về con chung: Các con đã trưởng thành có cuộc sống riêng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4- Về nợ chung: Buộc ông V bà N phải liên đới trả số nợ còn thiếu cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện Vĩnh Thuận số tiền 48.800.598 đồng trong đó vốn gốc là 40.000.000 đồng, lãi là 8.800.598 đồng (ông V trả 24.400.299 đồng, bà N trả 24.400.299 đồng). Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông V, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo khế ước vay tiền 6600000712011584 ngày 12 tháng 3 năm 2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong khế ước vay tiền, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5- Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000đồng, bà N chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002656 ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận. Án phí DSST 5% đối với số tiền bị buộc trả cho Ngân hàng là 48.800.598 đồng là 2.440.029 đồng. Ông V chịu 1220.014 đồng (làm tròn 1.220.000 đồng), bà N chịu 1.220.014 đồng (làm tròn 1.220.000 đồng) .

6- Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/3/2023). Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)